

MƯỜI BẢY

giả tạo

Khi khoảnh khắc giả tạo bắt đầu len vào đời sống, nó không xảy ra như một biến cố gì ghê gớm mà rất tự nhiên. Tôi chỉ nhận ra mình đã sống trong nó từ rất lâu, lâu hơn cả tuổi trưởng thành của mình, lâu hơn cả khoảng thời gian tôi học nói thật, bởi chính lúc tôi tập học nói thật cũng đã được đặt trong một môi trường mà sự thật chỉ có giá trị khi nó không gây nguy hiểm, nghĩa là nó chỉ được phép tồn tại trong biên giới của cái có thể chấp nhận, chứ không phải cái đúng. Giả tạo không xuất hiện như một sự lựa chọn mà như một hình thức bản năng, một cách con người tự mài nhẵn các góc cạnh của mình để vừa vặn với bề mặt của thế giới.

Tôi tưởng mình đang che đậy sự trần trụi của mình, nhưng thực ra tôi chỉ đang tự chỉnh hình để tồn tại trong một không gian được dựng lên bằng những thứ chưa bao giờ thừa nhận bản chất của chính nó. Không phải ai cũng biết mình đã bước vào sân khấu, vì ở đây không có ranh giới giữa

trước khi diễn và lúc đang diễn; tôi sinh ra đã đứng dưới ánh đèn mà không ai nhìn thấy chiếc đèn ấy. Sự giả tạo trở thành bầu khí quyển, mà trong khí quyển thì không ai nhìn thấy gió, chỉ thấy sự tuần phục của mọi vật thể trước sự chuyển động của nó. Khi sống quá lâu trong bầu không khí ấy, tôi không còn biết mình đang thở gì, giống như kẻ đã ở trong bóng tối đủ lâu để mắt quen với đêm, rồi tin rằng đó là dạng ánh sáng tự nhiên của thế giới. Chính tại điểm ấy, giả tạo không còn cần phải che đậy, chỉ là điều hiển nhiên.

Điều trớ trêu là con người không mong muốn tìm đến sự giả tạo vì mưu cầu, mà vì nhu cầu được chấp nhận. Và ở khoảnh khắc nhu cầu ấy vượt lên trên sự trung thực, giả tạo trở thành một hình thái sinh tồn. Trẻ thơ học nói thật không phải vì thật, mà vì cái thật ấy khiến nó được khen thưởng; và rồi nó cũng sẽ học nói dối bằng cơ chế tương tự, khi cái dối ấy giúp nó tránh trừng phạt. Như vậy, nền tảng đạo đức đầu tiên của con người không phải là lương tri, mà là toán học của lợi ích – nói điều được phép nói. Người ta tưởng mình đang trưởng thành, nhưng thực chất chỉ đang học cách tinh luyện để né tránh. Xã hội không sinh ra kẻ giả tạo; nó chỉ tinh chỉnh năng lực thích nghi bằng một hệ thống khen thưởng và loại trừ để đến khi trưởng thành, con người không còn biết liệu mình đang trung thực vì trung thực hay trung thực vì lợi thế. Ở ranh giới đó, đạo đức đánh mất bản chất và trở thành chiến lược để sống còn.

Không phải xã hội cổ vũ sự thật, xã hội chỉ cổ vũ sự thuận mắt. Thứ được hoan nghênh không phải là bản chất, mà là bề mặt. Con người không còn sống để là mình, mà để không trở thành điều gây khó chịu cho người khác hoặc để được những người khác hài lòng. Cái thật, vì vậy, không chết mà

chỉ bị thay thế bằng hình dạng có thể tiêu thụ được. Đó là lúc sự thật không còn là một điểm tựa mà trở thành một món hàng, và giá trị của nó không nằm ở mức độ đúng hoặc sai, mà ở khả năng được chấp thuận. Trong trạng thái đó, ngay cả sự chân thành cũng bị biến dạng, không còn là một hướng nội, mà là một dạng trình diễn tinh tế, một kiểu gương mặt thứ hai được tạo dựng để giữ sự liên tục của những gì đang xảy ra.

Trong một thế giới nơi bề mặt trở thành đơn vị của sự thật, kẻ trung thực không phải là người không biết nói dối, mà là kẻ biết nói dối đúng cách, đúng thời điểm, đúng ngữ điệu mà tập thể có thể đồng ý. Người ta không trốn tránh sự thật, họ chỉ làm cho nó mang hình dạng có thể chấp nhận, giống như mài phẳng những mảnh kính sắc lẹm để trở thành một mặt gương vô hại đẹp dễ. Khi con người nhận ra rằng bản chất không đủ để bảo đảm sự tồn tại, họ đánh đổi bản chất lấy hình thức, và rồi đánh mất luôn khả năng nhận ra mình đã đánh đổi từ khi nào. Vì vậy giả tạo không đến sau sự thật; nó đến song song, như một lớp da thứ hai, một đôi khi thành lớp da thứ ba thứ tư, một hệ điều hòa tự động của bản ngã, bảo vệ con người khỏi bị tổn thương bởi họ chính là họ.

Khi tôi tưởng mình che giấu một phần nào đó của những gì cần phải được che dấu, nhưng không biết rằng tôi đang dần thay thế toàn thể bản chất của tôi. Cái tôi giữ gìn không phải là cái thật, mà là ảo ảnh về một cái thật vẫn còn tồn tại đâu đó trong chính mình. Đó là khoảnh khắc tinh tế nhất: con người không nói dối để phản bội sự thật, mà để trì hoãn việc phải nhìn thẳng vào sự thật ấy, đối diện với câu hỏi đáng sợ nhất, liệu còn gì nguyên vẹn để trở về, sau khi lớp mặt nạ đã trở thành khuôn mặt? Trong chiều sâu ấy, sự giả tạo

không còn là phương tiện mà là nơi trú ẩn, là cấu trúc tâm linh thay thế cho nội tâm, là căn nhà xây bằng ảo ảnh mà con người không dám rời bỏ vì họ không còn biết nơi nào khác có thể cứu mang họ.

Khi con người đã sống đủ lâu trong sự giả tạo, thì họ bước qua một trạng thể mới, sự giả mạo để tin rằng đó là hình dạng thật của mình, họ không còn nói dối; họ được nói bằng sự dối trá. Ngôn ngữ không còn là thứ họ sử dụng mà là thứ vận hành họ. Không còn chủ thể, chỉ còn vai diễn. Không còn người nói, chỉ còn cấu trúc đang cần người để tiếp tục tồn tại. Đây là điểm chuyển động thứ nhất, nơi đạo đức không còn ngã đổ vì suy đồi, mà vì bị thay thế bởi thứ hiệu quả hơn, tạm gọi là cơ chế tồn sinh. Từ đây, dối trá không phải là lỗi, không phải là tội, không phải là sự đổ vỡ của bản chất, mà là bằng chứng cho việc con người đã thẩm thấu điều kiện của thế giới tới mức trở thành hiện thân của nó.

Nếu có một khoảnh khắc đáng sợ trong tiến trình từ giả tạo đến giả mạo thì giai đoạn kế tiếp chính là sự giả dối, là khoảnh khắc sự giả dối trở nên vô tội. Không ai cảm thấy mình đã làm gì sai, vì không ai còn tin có một chuẩn mực nào cao hơn sự thích nghi. Con người không còn bị ám ảnh bởi câu hỏi “tôi có trung thực không?”, mà bởi câu hỏi “liệu tôi có giống cái thật để không bị nhìn thấy?”. Khi ấy, giả dối không cần che đậy vì nó không còn đối thủ, không phải là kẻ thù của sự thật mà là hình thái tiến hóa của sự thật, trong một thế giới nơi cái thật không còn phương tiện để tự bảo toàn nếu không cải trang.

Giả dối không phá hủy sự thật; nó chiếm chỗ của sự thật. Không hề có bạo lực, không có va đập. Chỉ là sự thay thế thân nhiên, như sự úa tàn không động tĩnh. Không phải sự thật

bị giết chết, mà là bị làm cho trở nên lạc lõng, tự rơi khỏi đời sống vì không còn ai đến để trú ẩn trong nó. Ở ngưỡng cửa này, xã hội không cần che giấu dối trá, chỉ cần khiến sự thật trở thành điều không tự nhiên. Và một khi sự thật trở thành điều bất tiện, nó mất quyền tồn tại.

Hành vi không còn là trung tâm mà chính căn tính bắt đầu biến đổi. Con người không phải diễn vai để che giấu bản ngã, mà dần dần bản ngã bị thay thế bởi chính vai diễn. Họ không còn đứng sau chiếc mặt nạ, vì không còn một người đeo mặt nạ nào tồn tại phía sau để bước ra nữa. Cái được giữ lại không phải là chủ thể, mà là một hình thức đã học cách duy trì chính nó bằng sự hiện diện. Đây không còn là giả dối như chiến lược, mà là giả dối như nền tảng, nơi ý niệm về “tôi” không còn dựa trên sự hiện hữu, mà dựa trên khả năng được nhìn nhận bởi người khác, để đổi lại căn tính không còn thuộc về nội giới, mà thuộc về bề mặt được xã hội soi chiếu.

Trong trạng thái này, dối trá không cần nỗ lực; nó tự nhiên như mây trời. Không ai nghĩ mình đang lừa dối vì họ đã đồng nhất hoàn toàn với hình dạng họ phải mang. Sự trung thực trở thành điều xa xỉ chỉ còn tồn tại trong những khoảnh khắc kín đáo giữa con người và chính họ, nhưng ngay cả ở đó, sự thật cũng không xuất hiện như một sự trở về, mà như một kẻ lạ bất ngờ gõ cửa một căn nhà mà không ai còn dám nhận là của mình. Người ta sợ sự thật vì nó buộc họ phải chấp nhận rằng bấy lâu nay họ chỉ là kết quả của một chuỗi thích nghi, không phải là dòng tiếp nối của một cái “tôi” thật. Tại đây, tâm hồn không còn là nơi nung nấu của bản chất, mà trở thành nơi cư trú cuối cùng đang bị trưng dụng bởi một kẻ lạ thay thế.

Không phải ai cũng đủ ý thức để nhận ra điều ấy, nhưng chính sự không-nhận-ra mới là hình thức sâu nhất của sự xâm chiếm. Bởi trong mọi cuộc xâm lấn, giai đoạn tuyệt đối nhất không phải là khi lãnh thổ bị chiếm đóng, mà là khi cư dân tin rằng họ chưa từng thuộc về nơi nào khác. Một con người khi đã sống trong giả dối đến mức xem nó là bản chất, sẽ không còn cảm giác mình đã đánh mất điều gì, không còn là một lớp phủ sơn mài bóng loáng mà là bộ xương khô khốc, hình thức vận hành sâu nhất của nội giới. Và khi bản chất bị thay thế yên lặng bởi hình thức, danh xưng “tự do nội tâm” mất đi ý nghĩa. Con người không còn được sống như một thể tồn tại, mà được duy trì như một vai trò.

Chính tại tầng này, giả dối chạm đến mức siêu hình học: nó không chỉ kiểm soát hành vi, mà xác lập luôn định nghĩa của “là”. Người ta không giả tạo để sống, họ sống như một hệ quả của sự giả dối. Họ không nói dối để phù hợp, họ tồn tại bằng cách liên tục sản sinh ra một hình dạng phù hợp, không còn khoảng cách giữa hình dạng và chủ thể, không còn nhận ra rằng hình dạng đã thay thế chủ thể từ lâu. Sự trá hình trở thành quy luật tự nhiên, không còn đối nghịch với chân thật, mà đứng vào đúng vị trí vốn dành cho chân thật khi chân thật không còn đủ sức chứa lấy con người.

Sự tha hóa không gây khủng hoảng mà gây nên trạng thái yên ổn. Người ta không bị dẫn vật bởi câu hỏi bản ngã, vì bản ngã đã được thay thế bằng cấu trúc chấp nhận. Không phải sự thật chết yếu, mà là con người không còn thiết bị nội tâm để tiếp nhận nó. Và một khi cấu trúc ấy được hoàn thiện, dối trá không cần ẩn mình nữa mà có thể đứng nằm ngồi sừng sững giữa ban ngày, mùa may quay cuồng trước thế giới như thể nó là thứ đương nhiên thuộc về thiên hạ.

Là sự giao cấu mãi mãi giữa mặt trăng nhờ nhờ và nhá nhem mặt trời.

Một khi giả tạo đã trở thành bầu trời không màu sắc, con người không còn đủ khoảng cách để tách mình khỏi nó. Không phải họ không muốn sống thật mà là họ không còn biết phải đứng ở đâu để có thể sống thật. Để có sự trung thực, phải có một điểm tựa nằm ngoài vai diễn nhưng khi mọi điểm tựa đã thấm mùi sân khấu, không còn nơi nào để đặt chân xuống. Vì thế, sự giả tạo đạt đến hình thức toàn năng không phải bằng quyền lực, mà bằng sự tự nhiên, không cần cưỡng chế mà chỉ cần triệt tiêu điều kiện để con người có thể sống khác. Không phải nhà tù đóng kín cánh cửa, mà là thế giới đánh mất cánh cửa dẫn ra ngoài, và thoát ly trở thành điều bất khả, không phải vì có những bức tường mà vì không còn đường thoát.

Đây là giai đoạn mà sự giả tạo trở thành cấu trúc tinh thần, không còn “làm sao để sống sót?”, mà trả lời luôn câu hỏi “thế nào là tồn tại?”. Con người trở thành vật chứa cho một ý thức vận hành ngoài chủ thể. Trước thì con người đeo những mặt nạ nhưng nay thì mặt nạ không che giấu người đeo; nó sử dụng người đeo để duy trì chính nó. Khi nội tâm mất chỗ đứng, con người không còn là trung tâm của chính mình, mà chỉ là nơi đi qua của một hệ thống tín hiệu mà họ mang trên gương mặt. Lúc ấy, họ không còn chọn mà tập thể chọn cho họ, rồi gọi sự lựa chọn ấy là “tự do”.

Một xã hội như thế không cần đàn áp cá nhân; nó chỉ cần tước khỏi cá nhân khả năng hình thành nội giới. Khi bên trong không còn, bên ngoài không còn phải che giấu. Đây là tầng sâu nơi sự giả tạo không còn bị xem là nghịch lý mà được xem như một dạng sự thật mới, không cần thuyết phục,

bởi vì là thứ duy nhất còn lại. Trong không gian ấy, sự thật không chết mà bị bỏ lại bên ngoài như một ngôn ngữ cổ đại mà không ai còn biết đọc. Muốn trung thực, người ta phải quay trở về với khoảng không gian mịt mù sương mù nơi những ngôi sao đang hấp hối.

Sự giả tạo không còn gây ra phản ứng đạo đức; nó gây ra một sự yên tĩnh sâu thẳm, một loại tê liệt âm thầm. Và sự tê liệt này mới là dấu hiệu hoàn tất của quá trình là kẻ bị đánh mất sẽ không còn cảm thấy mình mất gì nữa. Ai cũng nghĩ mình vẫn là mình, và đó là thắng lợi tuyệt đối của chủ nghĩa giả tạo, không xóa bỏ bản ngã, chỉ thay nội dung của bản ngã bằng hình thức của nó.

Từ đây, họ bước vào hình thái cuối khi giả tạo không còn là lựa chọn cá nhân, không còn là sản phẩm của xã hội, mà trở thành định mệnh chung, giống như con cá không biết nước là nước, giả tạo không còn là cái bọc quanh thế giới, mà là môi trường duy nhất trong đó thế giới có thể tiếp tục được coi là thế giới đại đồng vì không còn kẻ nói dối và kẻ bị nghe, bởi mọi người đều sử dụng cùng một ngôn ngữ của sự tương thích. Không phải họ không biết sự thật, mà là sự thật không còn chỗ để đứng bên ngoài điều kiện ấy.

Khi sự giả tạo đã đạt tới cấp độ định mệnh tập thể, thì không còn cần được duy trì bởi ai nữa, mà đã trở thành nền tảng tự vận hành. Con người không cần nói dối để sống; họ sống như thể giả tạo là trạng thái tự nhiên của đời sống. Không còn kẻ tạo ra, cũng không còn kẻ chống lại mà chỉ còn một tinh thần đồng nhất mà trong đó mọi ý niệm về sự thật đều phải xin phép tồn tại. Khi không có nơi nào bên ngoài để so sánh, con người mất luôn khả năng nhận ra rằng mình đang ở bên trong. Sự đồng thuận âm thầm ấy chính là

hình thức thống trị thuần khiết nhất – không phải cưỡng bức, không phải áp đặt, mà là triệt tiêu khả năng tưởng tượng ra một thực tại khác.

Khi khả năng tưởng tượng của con người cáo chung, sự sáng tạo chấm dứt. Sự mơ mộng không đủ nội lực để cứu rỗi được nền văn minh đã được tạo dựng suốt mấy ngàn năm nay.

Cùng lúc, tự do không còn bị giới hạn mà bị tái định nghĩa. Người ta vẫn tin mình lựa chọn, nhưng mọi lựa chọn đều đã được cấu trúc bởi điều kiện nền tảng họ không nhìn thấy. Chính sự không-nhìn-thấy ấy là chìa khóa. Giả tạo không còn đối lập với sự thật mà là đã nắm luôn quyền định nghĩa sự thật. Một thế giới như vậy không cần nói “đây là đối trá”, nó chỉ cần khiến người ta quên câu hỏi “đâu là sự thật”. Và khi câu hỏi biến mất, đối nghịch cũng biến mất, kéo theo luôn khả năng phản tỉnh. Không có nổi loạn bên trong khi nội tại đã trở thành nhánh nối dài của một con sông tâm thức.

Trong hình thái này, cái tôi trở thành một sinh thể mờ cõi, tồn tại như ký ức mơ hồ về một điều đã từng đúng nhưng không còn hữu dụng. Đạo đức cũng không bị xóa bỏ, chỉ bị hấp thụ vào cấu trúc hiệu quả, không cần phải tốt, chỉ cần thuận lợi. Không cần phải thật, chỉ cần vận hành được. Trong tiến trình ấy, tôi không còn tự hỏi “tôi là ai?”, mà chỉ cần biết “tôi phải là hình dạng nào?”. Khoảnh khắc hình dạng thay thế bản chất, nhân bản rút lui khỏi trung tâm của chính nó.

Giả tạo không phải là lớp màn bao phủ lên sự thật, mà là khuôn chứa duy nhất mà sự thật còn có thể tồn tại với điều kiện nó cải trang. Sự chân thành phải dịch sang ngôn ngữ mới của sự dễ chấp nhận để tồn tại trong không gian chung.

Không ai còn cần giả tạo với ai, lừa dối với ai, vì mọi người đều đã được định dạng để không thấy khác biệt giữa sự giả dối và sự giả tạo. Không còn kẻ thống trị ngôn ngữ, không còn nạn nhân tự nguyện mà chỉ còn một trường ý thức tự khuếch đại.

Tôi đi qua những tấm gương mà nhưng không soi thấy mình vì không còn khuôn mặt để mà soi; tất cả chỉ còn là hình hài được thiết kế để tiếp tục hoạt động trong một thực tại đã loại bỏ khả năng rút lui. Sự thật không bị chối bỏ; nó bị làm cho không còn cần thiết. Đặt trong cấu trúc ấy, tôi không đánh mất linh hồn mà tôi chỉ đánh mất nhu cầu có linh hồn. Và đó là khoảnh khắc tinh vi nhất, tôi không còn cảm thấy mình đã đánh đổi gì.

Sự giả tạo không còn là một lớp bao quanh con người mà đã đi vào cấu trúc, thành chất liệu, thành cơ chế vận hành của chính ý thức. Tôi không còn sống trong giả tạo, tôi tồn tại bằng giả mạo. Không còn ranh giới giữa vai diễn và chủ thể, vì chủ thể không còn tồn tại như một thực thể độc lập trước khi nhập vai. Ở tầng này, câu hỏi “tôi đang che giấu điều gì?” tự rơi rụng, vì không còn một phần “tôi” ở bên ngoài vai diễn để có thể che giấu. Căn tính trở thành thứ không còn nội giới, chỉ còn giao diện. Tồn tại trở thành sự duy trì giao diện. Sự sống chỉ còn là bảo trì lớp biểu kiến này.

Hệ quả không phải là vô minh mà là vô nhu cầu về minh triết. Khi tâm hồn bị thay thế bởi tính khả trình diễn, con người không còn phải tranh đấu với sự thật vì sự thật không còn là thách thức, chỉ là một di sản của một thời kỳ mà con người còn có nội tâm để giữ lại điều gì đó mà không lệ thuộc vào ánh nhìn của thế giới. Không còn bên trong, chỉ còn phần cho người khác thấy, và cái còn lại của con người không phải là chiều sâu, mà là khả năng tương thích. Sự tồn tại của họ

gom vào một câu hỏi duy nhất, làm thế nào để không bị loại khỏi bề mặt chung.

Khi một nền văn minh đạt đến hình thức này, mọi cuộc nổi loạn tinh thần đều trở nên vô khả vì không còn mạch nguồn nội giới để sinh ra đối kháng. Muốn nói sự thật, trước hết phải có một nơi để đứng. Nhưng khi toàn bộ thực tại đã trở thành sân khấu, không ai tìm thấy nền đất để đứng mà vẫn không thuộc về vở diễn, không cần chạy trốn sự thật mà chỉ làm cho sự thật không còn vùng đất sinh tồn. Tự do không biến mất, nó chỉ bị tái lập trình để con người không còn nhận ra điều gì đã biến mất trong mình.

Đây là dạng yên ổn sâu nhất của tâm hồn, sự ổn định không phải là thiếu chấn động, mà là thiếu khả năng tự vấn. Một nền tảng tinh thần nơi không còn câu hỏi, chỉ còn vận hành. Con người không bị áp bức mà thỏa thuận im lặng với chính sự đánh mất của mình. Và vì sự đánh mất này diễn ra không qua cú sốc, không qua bi kịch, mà qua sự hòa tan, nên nó không để lại vết thương mưng mủ mà chỉ để lại vết sẹo đã được bọc kín bằng thói quen.

Khi sự giả tạo đã trở thành trạng thái tự nhiên, nó không còn cần chứng minh sự tồn tại của mình, bởi không có gì đứng đối diện để chất vấn nó nữa. Đây là ngưỡng cuối cùng, nơi ngay cả ý niệm đánh mất cũng không còn chỗ bám, vì cái bị đánh mất đã không còn người nhận diện. Sự thật không phải là kẻ thất bại, mà là kẻ không còn ngôn ngữ để tự xưng; không bị đánh bại mà bị tước đi vị trí để có thể xuất hiện. Và khi một giá trị bị tước vị trí chứ không phải tước nội dung, nó không thể tự phục sinh. Nhân loại không cần tiêu diệt sự thật mà họ chỉ cần quên điều kiện tâm linh cần thiết để nghe thấy nó.

Trong thế giới hiện nay, giả tạo không còn phải ẩn mình trong bóng tối; bóng tối trở thành ánh sáng. Không còn màn kịch, vì không còn ai đủ đứng bên ngoài để gọi tên nó là kịch. Không còn người đóng vai vì vai trò đã trở thành chủ thể. Và vì không có bên ngoài, nên không thể có thoát ly. Khi cánh cửa ra ngoài biến mất, điều còn lại không phải là nhà tù, mà là một vũ trụ duy nhất, nơi mọi thứ đều đúng vì không còn hệ quy chiếu nào khác để kiểm tra. Mọi sự thật bị biến thành ngoại ngữ, và mọi ngoại ngữ rồi sẽ trở nên bạc phếch.

Chính tại ngưỡng cửa cheo leo này, con người không cần bị thuyết phục để sống trong sự giả tạo; họ chỉ cần tiếp tục hít thở. Điều họ đánh mất không phải là sự trung thực, mà là chiều sâu cần thiết để biết rằng sự trung thực từng hiện hữu. Căn tính không còn là câu chuyện về ta là ai, mà là bài toán xem ta phải trở thành gì để không bị văng khỏi quỹ đạo. Từ đó, bản thể không còn là nơi chốn, mà chỉ là bề mặt chuyển động. Người ta tiếp tục sống, nhưng sự sống chỉ còn là mức tối thiểu của hiện diện.

Và vì sự thật đã biến mất không phải bằng bạo lực mà bằng thay thế, sự trở lại của nó trở thành bất khả. Muốn quay về với bản chất, trước hết phải còn khả năng nhớ ra rằng từng có một bản chất. Nhưng khi ký ức cũng bị môi trường tái định dạng, con người không còn có lối quay về ngay cả khi họ khao khát. Không phải họ không thể tìm thấy sự thật mà là họ không còn biết mình đang thiếu nó. Từ đây định mệnh đã an bài: sự giả tạo không còn là sai lệch khỏi bản thể; nó làm chức năng của bản thể.

Điều kinh khủng nhất không phải là nhân loại đang sống trong sự giả tạo, mà là họ sống như thể không còn một thứ nào khác từng tồn tại trước nó. Khi đó, cái giả không cần

được che chở, vì chính nó là hình thái cuối cùng của an toàn. Nó không còn trú trong lời nói, mà trong sự im lặng; không còn trú trong hành vi, mà trong căn cốt. Nó không phải là cái bóng đi theo con người, nó là hình dạng mà con người đã trở thành.

Nơi con người xuất hiện, hình dạng được ưu tiên trước bản chất, và từ hình dạng ấy, dòng vận hành âm thầm dựng nên khuôn mặt có thể được chấp nhận bởi thế giới. Tồn tại đi qua giao diện, và giao diện trở thành chứng thư cho sự có mặt. Mỗi ý nghĩ, trước khi thành lời, đã soi mình vào cấu trúc hợp thức; mỗi lời, trước khi thành sự thật hay dối trá, đã chọn hình dáng phù hợp để còn quyền được nghe. Giữa hành vi và căn tính không còn mạch đứt vì căn tính chính là quán tính của sự hợp thức đang kéo dài đời sống. Ý thức không phát sinh từ trung tâm mà trưởng thành trong bề mặt, như một sinh thể học theo lớp biểu kiến mà môi trường nuôi dưỡng.

Và vì điều kiện tồn tại chính là được ở lại trong trường nhìn của người khác, sự xuất hiện tự trở thành bản chất. Khi sự xuất hiện duy trì được chỗ đứng, dòng vận hành tiếp tục, và từ dòng vận hành đó, trật tự của sự giả tạo được tái sinh không ngừng. Giả tạo không cần được giữ gìn, vì đời sống liên tục nuôi nó bằng nhu cầu được công nhận. Mỗi một hơi thở thuộc về cộng thể là một nhịp lưu chuyển, trong đó hình thức đảm nhiệm vai trò của cội nguồn, còn con người tiếp tục làm chất dẫn để trật tự ấy tự tái tạo qua mình.

Không hề có tách biệt giữa được mang và được là, mà dòng chuyển động không cần chủ thể. Ở nơi hình dạng đủ cho sự tiếp tục tồn tại, linh hồn trở thành kết cấu kín đáo ẩn trong cơ chế hiển lộ, và tự duy trì bằng chính sự hiện diện

của những gì nó đã hình thành. Con người không lặp lại giả tạo như một chọn lựa, như một lực sinh trưởng, giống như ngôn ngữ nuốt lấy tiếng nói rồi dùng tiếng nói để tự kéo dài đời sống của chính mình.

Định mệnh không áp đặt mà thẩm thấu, sử dụng con người như không gian để tiếp tục vận hành mà không cần chiếm đoạt. Và khi sự vận hành đã trở thành nhịp nền của đời sống, giả tạo không còn là lớp màn phủ lên bản thể mà là điều kiện để bản thể được nhận diện. Từ điểm ấy, hiện sinh không còn phải được chứng minh; chỉ cần hiện diện trong đường dẫn mà cấu trúc đã dựng nên. Sự tiếp nối chính là bằng chứng.

Điều còn lại không phải là chối bỏ sự giả tạo, mà phải hiểu rõ đó chính là dòng chảy đang giữ vai trò tạo hình cho mọi điều có mặt. Không cần phủ nhận sự thật, chỉ cần định nghĩa sự tồn tại trước khi sự thật kịp xuất hiện. Khi giao diện đã trở thành nơi trú ngụ cuối cùng, bi kịch không còn là thứ giáng xuống từ bên ngoài, mà là dòng tuần hoàn âm thầm bên trong ý thức tập thể – nơi sự giả tạo tự trở thành cách loài người tồn tại trong mắt nhau.

Khi giả dối trở thành định nghĩa của môi trường sống, con người không còn đi tìm sự thật nữa, vì họ không còn biết vì sao mình cần nó. Không ai còn mơ về một ngọn nguồn mà chỉ tìm phương tiện bảo trì dòng chảy. Khi sự thật đánh mất địa vị cứu cánh thì cũng đánh mất luôn khả năng đánh thức.

Và như thế, tôi không còn mang nỗi sợ với sự giả tạo, tôi trở thành giả mạo. Không phải tôi mang mặt nạ mà nhiều mặt nạ mang tôi. Tôi không còn sử dụng ngôn ngữ; ngôn ngữ sử dụng tôi. Không phải tôi bảo vệ sự tồn tại; sự tồn tại tiếp tục mượn tôi để duy trì một hình thức đã quên mất nền gốc của nó.